

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT NGHE NÓI TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

★ PGS, TS TRINH VĂN TÙNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Kết quả khảo sát xã hội học về thực trạng lao động, việc làm và giải pháp hỗ trợ lao động, việc làm hiện nay của/cho người khuyết tật (NKT) nghe nói trên một số địa bàn thuộc tỉnh Quảng Ninh đã chỉ ra một tỉ lệ khá cao người khuyết tật nghe nói trong độ tuổi lao động đã và đang đi làm, mang lại thu nhập. Tuy nhiên, sự bấp bênh, dễ đổ vỡ của công việc vẫn còn cao. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến lao động, việc làm của người khuyết tật nghe nói, nhưng các yếu tố bản sắc khuyết tật và chính sách ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Vì vậy, giải pháp tiếp tục hỗ trợ phục hồi chức năng lao động, việc làm phù hợp với bản sắc người khuyết tật nghe nói và giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ lao động, việc làm cho nhóm xã hội này đóng vai trò quan trọng nhất.

● **Từ khóa:** Lao động; việc làm; người khuyết tật; Quảng Ninh.

1. Đặt vấn đề

Lao động, việc làm cho người lao động nói chung và NKT trong độ tuổi lao động nói riêng là một trong những nội dung quan trọng của hệ thống an sinh xã hội. Lao động, việc làm ổn định không những mang lại thu nhập cho NKT để trang trải các chi tiêu trong đời sống mà còn giúp NKT giảm sự phụ thuộc vào gia đình, người thân, cộng đồng và xã hội, đồng thời gia tăng năng lực hòa nhập cộng đồng, hòa nhập xã hội. Vậy, thực trạng lao động, việc làm của khoảng trên 60% NKT

nghe nói trong độ tuổi lao động trong số 1730 NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh¹ hiện nay như thế nào? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến lao động, việc làm của họ? Và cần những giải pháp gì để hỗ trợ lao động, việc làm cho nhóm đối tượng này? Trả lời ba câu hỏi trên đây cấu thành nội dung cốt lõi của bài báo này.

2. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và cơ sở pháp lý

2.1. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu về thực trạng lao động, việc làm của người khuyết tật nghe nói



Quảng Ninh ưu tiên hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật _ Ảnh: asvho.vn

Khi nghiên cứu về lao động, việc làm của người khuyết tật nói chung và người khuyết tật nghe nói nói riêng, có rất nhiều cách tiếp cận, trong đó nổi bật nhất là một số tiếp cận như sau: (i) Cách tiếp cận lao động, việc làm như là quyền con người, quyền được đi làm mang lại thu nhập để tự đảm bảo an sinh xã hội (Degender, 2014²; Davis L.J., 1997³; Breslin M.L., 2002⁴; Lawson and Gooding C., 2005⁵; Vanhala L., 2011⁶,...); (ii) cách tiếp cận thể chế, chính sách lao động, việc làm cho người khuyết tật tập trung đánh giá, phân tích thực trạng thực hiện thể chế, chính sách hỗ trợ lao động, việc làm để trên cơ sở đó đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách đang hiện hành (Vienna Declaration and Programme of Action, 1993⁷; UN, 2009⁸,...); (iii) cách tiếp cận y học nghiên

cứu hỗ trợ phục hồi chức năng thực thể (Pierdomennico L., 2019⁹; Nguyễn Thị Mai Thơ, Lê Nam Giang, Nguyễn Tất Hùng, 2024¹⁰,...); (iv) cách tiếp cận công tác xã hội thường nghiên cứu can thiệp thông qua dịch vụ hỗ trợ phục hồi chức năng lao động, việc làm cho người khuyết tật trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu (Onalu C., Obi-keguna C., Eya O.I., 2021¹¹; Agwu, P.C., Atumah, O.N. & Okoye, U.O., 2018¹²; Ajobiewe, T.A., 1993¹³; Obani, T.C, 1999¹⁴; Trịnh Văn Tùng và Lê Thị Hồng Nhung, 2021¹⁵, Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự, 2014¹⁶,...); (v) cách tiếp cận xã hội học, quản lý xã hội thường nghiên cứu đánh giá thực trạng lao động, việc làm, thực trạng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhu cầu việc làm,... các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp hỗ trợ lao động, việc làm cho

người khuyết tật (Bùi Gia Huân, Đoàn Thị Yến, 2023¹⁷,...).

Bài viết này được thực hiện theo cách tiếp cận xã hội học và công tác xã hội, đó là nghiên cứu đánh giá thực trạng lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh trong độ tuổi lao động, những yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp hỗ trợ lao động, việc làm cho họ. Để thực hiện nghiên cứu này, ba phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng, đó là: (i) phương pháp phân tích tài liệu; (ii) phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc với 135 NKT nghe nói và người nhà của NKT nghe nói; (iii) thảo luận nhóm (08 người) với hội người khuyết tật, người thân NKT nghe nói. Cụ thể như sau:

Về phương pháp phân tích tài liệu, đó là những báo cáo kết quả sinh hoạt của hội người khuyết tật dưới dạng các câu lạc bộ mà NKT nghe nói tham gia, báo cáo của cơ quan quản lý về NKT, những ấn phẩm khoa học bàn về lao động, việc làm của người khuyết tật.

Về phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi cầm tay, trong số 135 NKT nghe nói, chỉ có 37 người “đọc thông, viết thạo” đã có thể tự trả lời phiếu hỏi đồng thời thỉnh thoảng hỏi lại người điều tra để làm rõ một vài điểm trong bảng hỏi, 98 phiếu hỏi còn lại do người thân, người nhà, người bảo trợ đã trả lời thay cho NKT nghe nói trong mẫu điều tra.

Về phương pháp thảo luận nhóm tập trung, trong số 08 người, có 03 NKT vận động tham gia cùng câu lạc bộ với NKT nghe nói và 05 người nhà NKT nghe nói là những người gần gũi nhất của họ. Trong quá trình nghiên cứu, đã tổ chức 11 cuộc thảo luận, sinh hoạt nhóm bằng các buổi tập huấn tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Cơ sở pháp lý về hỗ trợ lao động, việc làm cho người khuyết tật

Liên quan đến hỗ trợ lao động, việc làm cho NKT, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quan trọng nhất, đó là: (i) Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 29/06/2010 dành chương V quy định dạy nghề đối với NKT (Điều 32), việc làm đối với NKT (Điều 33), cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là NKT (Điều 34), chính sách nhận người khuyết tật vào làm việc (Điều 35); (ii) Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2012, được sửa đổi, bổ sung bởi: (a) Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016; (b) Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/09/2017 quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017; (c) Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Những nội dung cơ bản quy định hỗ trợ lao động, việc làm cho NKT trong các nghị định này tập trung vào:

(i) Khuyến khích NKT tự tạo việc làm, hộ gia đình tạo việc làm cho NKT được hưởng chính sách sau đây: (a) Vay vốn với lãi suất

ưu đãi để sản xuất kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội; Điều kiện, thời hạn và mức vốn cho vay thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với các dự án vay vốn giải quyết việc làm; (b) Hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm;

(ii) Quy định hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là NKT tại Điều 34 Luật Người khuyết tật được hưởng các chính sách ưu đãi sau đây: (a) Hỗ trợ kinh phí cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Mức hỗ trợ theo tỷ lệ người khuyết tật làm việc ổn định tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức độ khuyết tật của người lao động và quy mô của cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; (b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức kinh phí hỗ trợ cải tạo điều kiện, môi trường làm việc cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật; (b) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế; (c) Vay vốn ưu đãi theo dự án phát triển sản xuất kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội; Điều kiện vay, thời hạn vay, mức vốn vay và mức lãi suất vay thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng đối với dự án vay vốn giải quyết việc làm; (d) Ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước theo quy định của pháp luật; (đ) Miễn tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 70% lao động là NKT trở lên; Giảm 50% tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% đến dưới 70% lao

động là người khuyết tật; Trong thời gian được miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước, cơ sở sản xuất, kinh doanh không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước; không được thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, góp vốn liên doanh, liên kết bằng quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

(iii) Khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận NKT vào làm việc với 10 NKT làm việc ổn định thì được hưởng chính sách ưu đãi.

Đây là những cơ sở pháp lý rất quan trọng để NKT, hộ gia đình NKT tự tạo dựng việc làm, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức sản xuất, kinh doanh đồng thời lồng ghép quyền lợi của NKT, xem xét tuyển dụng, sử dụng lao động là NKT.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng việc làm của NKT nghe nói trong độ tuổi lao động tỉnh Quảng Ninh

Kết quả khảo sát thực trạng lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh cho thấy tại bảng 1, theo đó, NKT nghe nói tại TP. Hạ Long đang lao động, làm việc mang lại thu nhập chiếm tỉ lệ cao nhất (78,5% so với 74,2% ở khu vực Đông Nam, Tây Nam và 71,0% ở Tây Bắc). Ở chiều ngược lại, có thể dễ dàng nhận thấy NKT ở Hạ Long có tỉ lệ không làm việc thấp nhất (21,5% so với 25,6% ở vùng Đông Nam, Tây Nam và 29,1% ở vùng Tây Bắc): “Đúng là có một số NKT không làm việc vì nhiều lý do khác nhau. Nhưng NKT khai báo “không làm việc” không có nghĩa là họ nghỉ ngơi hoàn toàn mà họ vẫn làm việc gì đó ở nhà như nuôi gà, nuôi lợn, nấu ăn, giặt giũ... Cái khó là, sự đóng góp vào thu nhập của họ rất khó tính toán ra

bằng tiền” (Thảo luận nhóm số 6, tháng 6/2024).

Xét về độ tuổi, NKT nghe nói từ 25 đến 40 tuổi đang tham gia thị trường lao động thấp nhất (55,3%) so với NKT nghe nói từ 41 tuổi đến 60 tuổi (86,2%) và từ 41 tuổi đến 60 tuổi (82,2%). Sở dĩ NKT nghe nói từ 16 tuổi đến 40 tuổi có tỉ lệ đang làm việc thấp nhất bởi vì: “*Cháu nhà em còn nhỏ nên gia đình cho đi học ở các lớp đặc biệt và đi học nghề đã ạ*” (Nam, 38 tuổi, bố của NKT nghe nói). Tỉ lệ NKT nghe nói từ 41 tuổi đến 60 tuổi đang làm việc thấp hơn một chút so với NKT nghe nói từ 26 tuổi đến 40 tuổi lại được giải thích theo một cách khác: “*Một số NKT nghe nói đã lớn tuổi, các con của họ đã trưởng thành và đủ năng lực chu cấp tiền cho họ nên cho phép họ nghỉ ngơi*” (Thảo luận nhóm số 6, tháng 6/2024).

Xét về giới tính, tỷ lệ NKT nghe nói là nam giới và nữ giới đang lao động kiếm sống khá cân bằng nhau (75,5% so với 73,7%). Tỉ lệ

khá cân bằng này được lý giải bởi sự tương hỗ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc giữa hai giới: “*Không có sự phân biệt giới trong công việc mang lại thu nhập của NKT nghe nói. Ngược lại, họ giúp đỡ nhau để cùng nhau lao động, kiếm tiền*” (Tọa đàm số 6, tháng 6/2024).

Xét về mức độ khuyết tật, có thể thấy rõ là, NKT nghe nói càng nặng thì mức độ tham gia làm việc kiếm tiền càng thấp (36,3% NKT đặc biệt nặng so với 92,1% NKT nặng và 95,3% NKT nghe nói nhẹ hoặc chưa xác định). Các con số này cho thấy sự nỗ lực tham gia thị trường lao động của NKT nghe nói đặc biệt nặng và nặng. Ở chiều ngược lại, tất nhiên NKT nghe nói đặc biệt nặng không làm việc kiếm tiền chiếm tỷ lệ cao nhất (63,7%): “*Anh ấy thuộc mức khuyết tật đặc biệt nặng nên gia đình không biểu làm gì cả. Anh ấy chăm lo lấy được các sinh hoạt của bản thân là tốt rồi vì có bảo làm gì thì cũng chậm lắm*” (Nam, 43 tuổi, người thân NKT nghe nói). Trích dẫn

Bảng 1. Tình trạng việc làm của NKT nghe nói theo đặc điểm nhân khẩu học - xã hội

(Đơn vị: %)

Tình trạng việc làm của NKT nghe nói theo đặc điểm nhân khẩu học - xã hội (Đơn vị: %)																		
	Địa bàn			Độ tuổi			Giới tính		Mức độ khuyết tật			Trình độ học vấn			Tình trạng hôn nhân			TBC
	Tây Bắc	Đông Nam, Tây Nam	Hạ Long	16-25	25-40	41-60	Nam	Nữ	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ/ Chưa xác định	Không đi học	Tiểu học	Từ THCS trở lên	Độc thân	Có vợ /chồng	Ly hôn /ly thân/ khác	
Đang làm việc mang lại thu nhập	71,0	74,2	78,5	55,3	86,2	82,2	75,5	73,7	36,3	92,1	95,3	68,4	77,0	78,3	68,8	84,5	70,4	74,7
Không làm việc	29,0	25,6	21,5	44,7	15,8	17,8	24,5	26,3	63,7	7,9	4,7	31,6	23,0	11,7	31,2	15,5	29,6,2	13,3
P	*			*			**		***			**			**			

Ghi chú: *** P<0,001; ** = P<0,01; * = P<0,05

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023 và 2024)

phông vấn sâu này cho thấy quá trình xã hội hóa nghề nghiệp, việc làm của NKT nghe nói sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, bởi vì, bản thân người nhà của NKT nghe nói còn quan niệm làm thay cho NKT, chưa thấy tầm quan trọng của việc làm đối với họ.

Xét theo chiều cạnh trình độ học vấn, những NKT nghe nói có trình độ học vấn tương đương từ THCS trở lên tham gia vào thị trường lao động đông nhất (78,3% so với 77,0% NKT có trình độ học vấn tương đương tiểu học và 68,4% NKT nghe nói không đi học). Hơn nữa, NKT nghe nói có trình độ tương đương từ THCS trở lên cũng có công

Bảng 2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào thị trường lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Điểm trung bình
1	Quyết tâm sống độc lập	3,93***
2	Muốn khẳng định bản thân	3,90***
3	Muốn làm việc như người khác	3,30*
4	Muốn khẳng định nghị lực sống	3,80**
5	Muốn hòa nhập cộng đồng, xã hội	3,75**
6	Nhờ gia đình tạo điều kiện	3,92***
8	Nhờ câu lạc bộ NKT giúp đỡ	3,55**
9	Nhờ Hội NKT giúp đỡ	3,34**
10	Nhờ bạn bè hỗ trợ	2,60**
11	Nhờ các tổ chức chính trị - xã hội giúp đỡ	2,31*
12	Nhờ chính sách hỗ trợ việc làm phù hợp	3,15**
13	Nhờ thực hiện chính sách hỗ trợ việc làm đúng, đầy đủ và kịp thời	3,56***
14	Nhờ yếu tố khác	2,91*

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023 - 2024; $p^* < 0,05$; $p^{**} < 0,01$; $p^{***} < 0,001$)

việc phức tạp hơn: “*Nhờ đọc thông, viết thạo nên họ trao đổi với mọi người khá thoải mái. Hơn nữa, nhờ mạng xã hội phát triển nên NKT nghe nói tiếp cận việc làm và lao động ngày càng thuận lợi hơn*” (Tọa đàm số 7, tháng 7/2024). Như vậy, có thể khẳng định rằng, trình độ học vấn càng cao thì NKT nghe nói càng tích cực tham gia vào thị trường lao động. Điều này càng thúc đẩy các cá nhân, gia đình và tổ chức tiếp tục giáo dục nghề nghiệp cho NKT nghe nói nhằm giúp họ hòa nhập lao động, việc làm.

Có sự khác biệt trong việc tham gia vào thị trường lao động của NKT nghe nói xét theo tình trạng hôn nhân. NKT nghe nói có vợ/chồng tham gia làm việc mang lại thu nhập cao hơn hẳn so với NKT nghe nói đã ly hôn/ly thân hoặc đang sống độc thân (84,5% so với 70,4% và 68,8%): “*Em không nói được nhưng trao đổi bằng ký hiệu thì vợ em hiểu hết. Từ khi em có vợ, có con, em càng làm việc tích cực hơn ạ*” (Nam, 40 tuổi, TP. Hạ Long). Rõ ràng, cuộc sống vợ/chồng có ý nghĩa thúc đẩy động cơ làm việc của NKT nghe nói khi họ tìm thấy ở đời sống hôn nhân nguồn động viên, chia sẻ tạo nên sức mạnh giúp họ hòa nhập vào thị trường lao động. Trong nghiên cứu về NKT nói chung, NKT nghe nói nói riêng, mức độ khuyết tật là một biến số rất quan trọng. Xét về khía cạnh này, kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt rất rõ ràng giữa các mức độ khuyết tật, đó là: NKT nghe nói càng nặng thì tham gia thị trường lao động càng thấp (36,3%) hoặc NKT nghe nói càng nhẹ thì tỷ lệ làm việc mang lại thu nhập càng cao (95,3%); đáng lưu ý là có đến 92,1% NKT nghe nói nặng trong độ tuổi lao động đang tham gia lao động kiếm sống. Như vậy, so với báo cáo thống kê tình hình thất nghiệp

của người Việt Nam trong độ tuổi lao động 6 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ NKT nghe nói đặc biệt nặng, nặng hoặc nhẹ lần lượt cao gấp 29,4 lần, 3,5 lần và 2,07 lần so với tỉ lệ thất nghiệp trung bình trên toàn quốc (2,27%) (Tổng cục Thống kê, 2024)¹⁸: “So với các dạng khuyết tật khác, NKT nghe nói vẫn tham gia làm việc gần như bình thường nhờ năng lực quan sát và di chuyển bình thường” (Thảo luận số 6, tháng 6/2024).

Trình độ học vấn trong nghiên cứu này cần được hiểu là khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đương mà NKT nghe nói tích lũy được thông qua nhiều hình thức giáo dục, nhất là giáo dục đặc biệt được thể hiện qua ngôn ngữ ký hiệu. Xét dưới chiều cạnh này, NKT nghe nói có trình độ học vấn càng cao thì tham gia lao động mang lại thu nhập cũng càng cao với lần lượt 78,3% có trình độ học vấn từ THCS trở lên, 77,0% có trình độ tiểu học và 68,4% không đi học, mặc dù $p > 0,05\%$, nghĩa là sự ảnh hưởng không thực sự rõ ràng của trình độ học vấn đối với việc tham gia thị trường lao động của NKT nghe nói.

Ở chiều ngược lại, hôn nhân không hạnh phúc (ly hôn/ly thân) cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến động cơ tham gia lao động của NKT nghe nói: “Từ khi ly hôn, tôi cảm thấy chán nản và không muốn làm gì cả” (NKT nghe nói nam, 36 tuổi, Móng Cái). Khác với NKT nghe nói ly hôn/ly thân, nhiều NKT nghe nói độc thân chưa tham gia làm việc kiếm sống thường đang ở độ tuổi đi học nghề.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh

Ở nội dung này sẽ tập trung phân tích sâu hơn 3 cấp độ ảnh hưởng đến thực tế lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh. Với 13 biến số độc lập được khảo sát, kết quả được thể hiện ở bảng 2 dưới đây.

Trước hết, với 5 biến số ở cấp độ vi mô, yếu tố từ bản thân NKT nghe nói như “quyết tâm sống độc lập” và “muốn khẳng định bản thân” điểm trung bình cao nhất, lần lượt là 3,93 và 3,90 điểm với mức ý nghĩa thống kê $P < 0,001$, nghĩa là độ tin cậy rất cao. Nói cách khác, sự mong muốn sống độc lập và khẳng định bản thân đã tạo động lực, nguồn cảm hứng cho NKT nghe nói tham gia thị trường lao động, làm việc để kiếm sống: “Em không muốn sống phụ thuộc vào người khác, kể cả là bố mẹ, bởi vì, sau này bố mẹ em già đi, mất đi thì em lấy ai mà dựa dẫm nữa. Vì vậy, em rất quyết tâm đi làm” (NKT nghe nói nữ, 31 tuổi). Rõ ràng, đây là những nguồn lực nội sinh quan trọng bậc nhất ảnh hưởng đến sự tham gia thị trường lao động của NKT nghe nói. Tiếp đến, hai yếu tố ảnh hưởng nhẹ hơn đến sự tham gia của NKT nghe nói Quảng Ninh vào thị trường lao động, việc làm, đó là họ “muốn khẳng định nghị lực sống” và “muốn hòa nhập cộng đồng, xã hội” với lần lượt là 3,80 và 3,75 điểm trung bình ($p < 0,01$). Tuy nhiên, lý do “muốn làm việc như người khác” chỉ được

So với báo cáo thống kê tình hình thất nghiệp của người Việt Nam trong độ tuổi lao động 6 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ NKT nghe nói đặc biệt nặng, nặng hoặc nhẹ lần lượt cao gấp 29,4 lần, 3,5 lần và 2,07 lần so với tỉ lệ thất nghiệp trung bình trên toàn quốc (2,27%).

Tổng cục Thống kê
năm 2024

này bố mẹ em già đi, mất đi thì em lấy ai mà dựa dẫm nữa. Vì vậy, em rất quyết tâm đi làm” (NKT nghe nói nữ, 31 tuổi). Rõ ràng, đây là những nguồn lực nội sinh quan trọng bậc nhất ảnh hưởng đến sự tham gia thị trường lao động của NKT nghe nói. Tiếp đến, hai yếu tố ảnh hưởng nhẹ hơn đến sự tham gia của NKT nghe nói Quảng Ninh vào thị trường lao động, việc làm, đó là họ “muốn khẳng định nghị lực sống” và “muốn hòa nhập cộng đồng, xã hội” với lần lượt là 3,80 và 3,75 điểm trung bình ($p < 0,01$). Tuy nhiên, lý do “muốn làm việc như người khác” chỉ được

xác nhận là có mối liên hệ với sự tham gia lao động của NKT nghe nói, chứ không hoàn toàn là một yếu tố ảnh hưởng: “*Làm việc như người bình thường là điều rất khó khăn. Do vậy, có thể phải nói thêm rằng chúng tôi muốn làm việc như người bình thường trong điều kiện được hỗ trợ đầy đủ*” (Nữ, 38 tuổi, NKT nghe nói, Đông Triều).

Tiếp đến, trong 5 biến số trung mô được khảo sát thì yếu tố gia đình giúp đỡ ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến sự tham gia vào thị trường lao động của NKT nghe nói với 3,92 điểm trung bình

($p < 0,001$): “*Ngay từ khi nhỏ, gia đình đã thấy được sự cần thiết phải hỗ trợ cháu học nghề và làm việc nên mọi người rất quan tâm. Bây giờ thì cháu sống độc lập, thu nhập khá với cắt tóc rồi nên chúng tôi rất yên tâm*” (Nam, 62 tuổi, bố NKT nghe nói, Hạ Long). Rõ ràng, gia đình ở đây đã đóng hai vai trò rất

quan trọng đó là sự tương hỗ, giúp đỡ, chia sẻ lẫn nhau và xã hội hóa nghề nghiệp cho các thành viên của mình. Đây không những là yếu tố trung mô ảnh hưởng bậc nhất mà còn là một nguồn lực có ý nghĩa cần được phát huy. Tiếp đến, ba yếu tố sau đây đều có ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia làm việc của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: sự giúp đỡ của câu lạc bộ NKT (3,55 điểm), của Hội Bảo trợ NKT (2,91 điểm) và của bạn bè (2,60 điểm). Với mức đánh giá đều có ý nghĩa thống kê có độ tin cậy như

nhau ($p < 0,01$), các dữ liệu này chỉ ra vai trò to lớn và quan trọng của câu lạc bộ người khuyết tật tỉnh Quảng Ninh trong hỗ trợ tìm kiếm hoặc tạo dựng việc làm cho thành viên của mình: “*Nhờ tham gia sinh hoạt câu lạc bộ NKT mà em cảm thấy mình được khuyến khích, động viên tạo việc làm. Đến nay, công việc của vợ chồng em cơ bản ổn*” (Nữ, 35 tuổi, NKT nghe nói, Đông Triều). Tuy vậy, sự ảnh hưởng của Hội bảo trợ người khuyết tật Quảng Ninh và bạn bè trong lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh

cũng rất đáng ghi nhận: “*Ngoài việc bảo đảm chế độ bảo trợ xã hội, Hội Bảo trợ người khuyết tật cũng tham gia giới thiệu việc làm cho em tôi*” (Nam, 43 tuổi, anh trai NKT nghe nói, Móng Cái). Các tổ chức chính trị - xã hội cũng có ảnh hưởng đến sự tham gia của NKT nghe nói vào thị trường lao động tuy rằng sự ảnh hưởng này chưa

Trước hết, với 5 biến số ở cấp độ vi mô, yếu tố từ bản thân NKT nghe nói như “quyết tâm sống độc lập” và “muốn khẳng định bản thân” điểm trung bình cao nhất, lần lượt là 3,93 và 3,90 điểm với mức ý nghĩa thống kê $P < 0,001$, nghĩa là độ tin cậy rất cao. Nói cách khác, sự mong muốn sống độc lập và khẳng định bản thân đã tạo động lực, nguồn cảm hứng cho NKT nghe nói tham gia thị trường lao động, làm việc để kiếm sống.

thấy rõ ràng với 2,31 điểm ($p < 0,05$).

Trong các biến số vĩ mô, thì việc thực hiện chính sách hỗ trợ lao động, việc làm đúng đắn, đầy đủ và kịp thời có ảnh hưởng nhất đến sự tham gia lao động của NKT nghe nói với 3,56 điểm ($p < 0,001$): “*Con gái tôi được hỗ trợ học nghề miễn phí nên giờ cháu đang làm nghề may có thu nhập ổn định. Cảm ơn chính quyền đã quan tâm*” (Nam, 55 tuổi, bố NKT nghe nói, Cẩm Phả). Tuy nhiên, mặc dù cũng ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia lao động của NKT nghe nói nhưng tính phù hợp của

chính sách hỗ trợ lao động, việc làm lại được đánh giá thấp hơn với 3,13 điểm ($p < 0,01$).

3. Kết luận

Từ các kết quả nghiên cứu trên, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu thực trạng tham gia thị trường lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh đã chỉ ra rằng có sự khác biệt theo mức độ khuyết tật, độ tuổi, tình trạng hôn nhân và trình độ học vấn. Cụ thể, xét về mức độ khuyết tật, NKT nghe nói càng nặng thì mức độ tham gia làm việc kiếm tiền càng thấp so với NKT nghe nói nhẹ hoặc chưa xác định. Xét về độ tuổi, NKT nghe nói từ 25 đến 40 tuổi đang tham gia thị trường lao động thấp nhất so với NKT nghe nói từ 41 tuổi đến 60 tuổi. Xét về tình trạng hôn nhân, NKT nghe nói có vợ/chồng tham gia làm việc mang lại thu nhập cao hơn hẳn so với NKT nghe nói đã ly hôn/ly thân hoặc đang sống độc thân. Xét theo chiều cạnh trình độ học vấn, những NKT nghe nói có trình độ học vấn tương đương từ THCS trở lên tham gia vào thị trường lao động cao nhất so với NKT có trình độ học vấn tương đương tiểu học và NKT nghe nói không đi học. Tuy nhiên, xét về giới tính, tỉ lệ NKT nghe nói là nam giới và nữ giới đang lao động kiếm sống khá cân bằng nhau hoặc tương đương nhau.

Thứ hai, trong ba nhóm yếu tố vi mô, trung mô và vĩ mô, thì hai yếu tố vi mô (quyết tâm sống độc lập và muốn khẳng định nghị lực bản thân), một yếu tố trung mô (nhờ gia đình tạo điều kiện) và một yếu tố vĩ mô (nhờ thực hiện chính sách hỗ trợ việc lao động, việc làm đúng đắn, đầy đủ và kịp thời) có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến cơ hội và thực tế lao động, việc làm của NKT nghe nói tỉnh Quảng Ninh.

Thứ ba, trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, các giải pháp hỗ trợ trong tương lai nên tập trung trực tiếp hỗ trợ nâng cao năng lực sống độc lập, tiếp tục khơi dậy ý chí muốn khẳng định mình của bản thân NKT nghe nói, đồng thời hỗ trợ gia đình NKT nghe nói để những gia đình này có điều kiện thuận lợi hơn trong việc hỗ trợ người nhà là NKT. Bên cạnh đó, cần tăng cường các giải pháp hiện thực hóa hệ thống chính sách hỗ trợ lao động, việc làm đang hiện hành sao cho những chính sách đã ban hành thực sự được thực hiện, đi vào cuộc sống. Hơn nữa, do bản thân chính sách hỗ trợ lao động, việc làm cho NKT hiện nay đang mang tính đơn ngành cao nên dẫn đến có nhiều sự chông chéo nên cần thiết phải tích hợp các chính sách này theo cách tiếp cận liên ngành để hỗ trợ sinh kế cho NKT một cách đồng bộ hơn ❖

¹ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh (2023), *Số liệu kết quả thực hiện chính sách đối với người khuyết tật tỉnh Quảng Ninh*.

² Degender Theresia (2014), “A human rights model of disability” trên <https://www.researchgate.net>, truy cập ngày 5/01/2025.

³ Davis L.J., (1997): “The disability studies reader”, trên <https://www.researchgate.net>, truy cập ngày

5/01/2025.

⁴ Breslin M.L., & Yee S., (2002), “Disability Rights Law and Policy”

⁵ Lawson A., & Gooding A., (2005), Disability or Synergy” in Quin G., and Waddington (eds), European Yearbook of Disability Law.

⁶ Vanhana L., (2011), “Making rights a reality?”

⁷ Vienna Declaration and Programme of Action, A/CONF.157/23, 12 July 1993, : trên <http://www.unhcr.org/refworld/docid/3ae6b39ec.html>

⁸ The UN Convention on the Rights of Persons with Disabilities (2009)

⁹ Pierdomennico L.: *Cải thiện quản lý phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ở tuyến tỉnh tại Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội, 2009.

¹⁰ Nguyễn Thị Mai Thơ, Lê Nam Giang, Nguyễn Tất Hùng: “Thực trạng khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng của người khuyết tật tại huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An năm 2022”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, số 536 (2), 2024.

¹¹ Onalu C., Obi-keguna C., Eya O.I., 2021, “Rehabilitation in Social Work Practice” in Social Work in Nigeria, Book of Readings Publisher, University of Nigeria Press LTD. (PDF) Rehabilitation in Social Work Practice. Available from: https://www.researchgate.net/publication/353326534_Rehabilitation_in_Social_Work_Practice#fullTextFileContent

¹² Agwu, P.C., Atumah, O.N. & Okoye, U.O: *Resilience as an important ingredient to aid family recovery in a recessed economy*. Paper presented at the 14th Annual Conference of Fulbright Alumni Association of Nigeria (FAAN) on the theme Nigeria’s economy in the 21st century: Recession and reorientation, at the University of Calabar, Nigeria from 11 to 14 March, 2018.

¹³ Ajobiwe, T.A.: “Setting up community based rehabilitation programme in Nigeria: Problems and opportunities”. *Journal of issues in special Education 1* (1), 1993, 13-18.

(PDF) Rehabilitation in Social Work Practice. Available from: https://www.researchgate.net/publication/353326534_Rehabilitation_in_Social_Work_Practice#fullTextFileContent

¹⁴ Obani, T.C. (1999). *An overview of envisaged rehabilitation programme for the disabled in Nigeria*. Paper presented at the workshop on training of rehabilitation personnel organized by the Federal Ministry of Sport and Social Development, Abuja 26-29th July.

(PDF) Rehabilitation in Social Work Practice. Available from: https://www.researchgate.net/publication/353326534_Rehabilitation_in_Social_Work_Practice#fullTextFileContent

¹⁵ Trịnh Văn Tùng và Lê Thị Hồng Nhung: “Vocational Rehabilitation for Persons with Visual Impairment at the Community: A Case in Dong Da District, Hanoi City, Vietnam” *Journal of Intellectual Disability - Diagnosis and Treatment* (Scopus), vol.9 No.3, 2021, E-ISSN: 2292-2598/21.

¹⁶ Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự: *Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014.

¹⁷ Bùi Gia Huân, Đoàn Thị Yên: “Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 335 (12/2023), tr.113-116.

¹⁸ Tổng cục Thống kê (2024), “Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý II và 6 tháng đầu năm 2024”...